

làng văn

SỐ 9 - THÁNG 9 NĂM 2015



ảnh Miên Kim 2015

làng văn

Chủ nhiệm, chủ bút:
Cung Vũ Nguyễn Hữu Nghĩa

Bài vở:

Bút Chì – Cả Cười – Cao Xuân Lý -- Dương Thượng Ngã
Đỗ Quang Vinh -- Hoàng Hải Thủy – Hoàng Nga -- Lê Hoài Niệm
Lê Thị Việt Nam -- Lê Hữu Mục -- Linh Vang -- Lý Thảo Yên
Miên Kim -- Minh Đức Hoài Trinh -- Mỗ Làng Văn -- Ngọc Anh
Nguyễn Hương -- Nguyễn Bá Dĩnh -- Nguyễn Lương Tuyền
Nguyễn Mạnh An Dân -- Nguyễn Phù Sa -- Nguyễn Văn Thông
Phạm Khắc Trung -- Phùng Nhân -- Phương Duy – Thanh Thanh
Thủy Trang -- Trần Ngân Tiêu -- Trần Quốc Bảo – Triều Vân
Trường Sơn Lê Xuân Nhị -- Việt Chi -- Việt Phương

Tranh: Nguyễn Nhật Tân

Ảnh nghệ thuật:

Cung Vũ, Lê Quang Xuân, Miên Kim

Tri ân cộng tác viên quá cố:

An Khê – Bạch Thái Hà – Bích Giao -- Bình Nguyên Lộc – Duyên Anh
Đan Quế -- Huỳnh Hữu Cửu – Hứa Hoàn – Lăng Nhân Phùng Tất Đắc
Lê Đình Điều -- Lê Thao Chuyên – Mai Thảo – Ngọc Khôi
Ngô Mạnh Thu -- Nguyễn Đình Hoà – Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Tất Nhiên – Nguyễn Văn Ba – Quỳ Hương
Sắc Không Nguyễn Hữu Nhật -- Tạ Ty -- Thanh Nam – Thúy Sơn
Tô Giang -- Trần Cao Lĩnh – Trần Đại Lộc
Trọng Kim (Đà Cầu) Trương Trọng Trác
Trương Ái Minh -- Tử Vi Lang – Tự Tĩnh Nguyễn Nhật Tân
Vi An -- Vũ Kiện – Xuân Vũ

Địa chỉ email: BanBienTap.LVOnline@gmail.com

Website: www.langvanonline.com

(Nếu trích đăng, xin ghi xuất xứ: Làng Văn Online)

Nghĩ vụn bên cốc cà phê sáng:

Nhiếp ảnh nghệ thuật là sáng tác hay mô phỏng?

Nguyễn Hữu Nghĩa

Ngày xưa, lâu lắm, vào cái thời mà người ta còn cầm máy ảnh cổ điển, chụp bằng phim, rửa hình bằng phòng tối,.. một bạn ảnh hỏi đố: “Tác phẩm nhiếp ảnh nghệ thuật là sáng tác hay mô phỏng?”

Ngày nay, vào cái thời mà người ta cầm máy ảnh toán số*, chụp hình vào thẻ nhớ, sửa hình bằng Photoshop và các thảo trình cùng loại, câu hỏi trên vẫn còn nguyên giá trị: ...sáng tác hay mô phỏng?

Ảnh nghệ thuật khác với ảnh quảng cáo thương mại, ảnh tài liệu phóng sự, ảnh kỷ niệm gia đình.

Chụp hình kỷ niệm thì các người mẫu đứng lại cho đều, đồng quá thì kiểm cầu thang mà đứng để đừng ai “mất mặt” hay “khuất mặt”, đếm 1... 2... 3... rồi nói “cheese!” để mọi người đồng loạt ngoáy mồm cười toe một phát làm duyên cho phỏ nhòm bấm máy, ai cũng có đủ 10 cái răng nhe ra trông tươi tắn vui vẻ. Đám người mẫu càng đông, phỏ nhòm càng phải bấm nhiều “pô” để lựa ra những tấm toàn bích, nghĩa là không ai nhắm mắt, méo miệng, tay chân đặt vào những chỗ không nên đặt, cảnh trẻ con lén giơ hai ngón tay làm sừng trên đầu người khác, v.v. và v.v, tránh mọi trường hợp khiếu nại sau này.

Ảnh tài liệu phóng sự thì chỉ cần sao cho thật rõ nét, thu kịp những khoảnh khắc cao điểm (một ngọn lửa bùng lên trong đám cháy, một lực sĩ vượt lên trong đám chạy, một trái banh bay vượt bàn tay thủ môn, một cú đấm kinh hoàng tóe mồ hôi, văng nước bọt trên võ đài,..

Ảnh quảng cáo thương mại thì sao cho duyên dáng, hấp dẫn nổi rõ những điểm cần nổi, của người mẫu hay món hàng. Ảnh quảng cáo quần áo tắm phụ nữ, kể cả G-string hay C-string mà phân nửa số người xem chỉ chăm chăm nhìn vào những chỗ không có vải, thì hỏng. Căn bản là thế.

Theo tôi, nhiếp ảnh nghệ thuật không phải mô phỏng mà là ghi nhận, trình bày hay truyền đạt. Người chụp thấy gì (hình khối, ánh sáng, màu sắc, đường nét, không khí, cảm xúc) và trình bày như thế nào, có truyền đạt được cảm xúc của mình cho người xem hay không. Sau khi vượt qua những đặc điểm thuộc về chặng đường kỹ thuật, người chụp tiến vào lãnh vực nghệ thuật.

Sự kiện ngoài đời có sẵn đó, do thiên tạo hay công trình nhân tạo, người chụp không làm ra nó, nhưng người chụp ghi nhận nó qua ống kính và chuyển đạt đến người xem, một cách chủ quan, có cá tính.

Cũng có thể nói một cách ví von là tạo hóa sáng tác lần thứ nhất, nhiếp ảnh gia sáng tác lần thứ hai: bằng cách bố cục, bằng cách chọn góc cạnh; bằng đường nét; bằng ánh sáng và bằng cảm xúc,..

Thí dụ chụp một công trình kiến trúc, như cái tháp “Bút Chi” Washington Monument ở DC chẳng hạn. Nó cứ nằm chình ịch ra đó, phần để không di chuyển một ly ông cụ nào cả, nhưng một ngàn người chụp có thể tạo ra hàng trăm bức ảnh nghệ thuật khác nhau.

Người thì mở khẩu độ nhỏ để lấy hết tầm xa, cho thấy vị trí của công trình ấy trong toàn cảnh xa gần chung quanh.

Người mở khẩu độ lớn để làm mờ nhòe hậu cảnh, cốt nổi rõ chủ điểm.

Người khác chú tâm vào ánh sáng: cũng vẫn cái tháp đó, mà sáng sớm khác, trưa khác, chiều khác, tối khác.

Có người thích sử dụng tốc độ chậm trong ngày gió lớn để tạo mờ nhòe trên đỉnh tháp bị gió lay, trong khi chân tháp vẫn đứng nguyên, rõ nét.

Có người lia máy, biến hậu cảnh quanh tháp thành một trận cuồng phong.

Lại có người chú tâm vào góc nhìn: nhìn xa, nhìn gần, có khi đặt máy ảnh ngay dưới chân tháp để nhìn lên, chờ lấy hậu cảnh là một chòm sao, mặt trăng, mặt trời, đám mây hay chỉ là bầu trời, trong xanh, vẫn đục hay tối đen.

Có người chú tâm chụp cho bằng được độ rung của đỉnh tháp trong những ngày gió mạnh.

Ồi thôi đủ cách!

Vấn đề là người chụp thấy cái mà du khách không phải ai ai cũng nhìn thấy. Người chụp ghi nhận, lựa chọn, bố cục lại, có thể dùng thảo trình để thay đổi một chút cho thành một bức ảnh có cá tính trước khi truyền đạt.

Nhìn cái nét chỏi trời ấy, nhiếp ảnh gia thấy gì? Một công trình kiến trúc độc nhất vô nhị bằng cẩm thạch, hoa cương thạch và phiến ma thạch cao hơn 554 bộ, khởi xây từ tiền bán thế kỷ 19 cho tới gần cuối thế kỷ mới xong, trong đó có 23 năm ngưng xây vì ...thiếu tiền. Có người bảo nhìn cái tháp cao ngất mà liên tưởng lịch sử kiến tạo dân chủ rất ư là gian nan của quốc gia này, khởi từ tổng thống đầu tiên, George Washington. Có người bảo nhìn cái tháp dựng đứng ấy mà liên tưởng tới sự “hùng dũng” của ngài Bill Clinton bên cạnh em bé mũm mĩm Monica.

Ồi thôi trăm người trăm ý, có ý nghiêm trang, có ý chả đúng đắn gì cả.



Cái tháp giống như tấm gương, phản chiếu tâm tư của người nhìn và được trình bày qua tác phẩm của người chụp.

Với bao nhiêu sự khác nhau trong cách tạo ra một tấm ảnh, có bao nhiêu phần ”mô phỏng”, bao nhiêu phần “sáng tạo”? Đó là chưa bàn tới loại ảnh ghép, cô gái khóa thân với cái đuôi cá... thật, hay với tay chân biến thành cành và rễ cây. Loại ảnh ghép ấy có tính cách sáng tạo nhiều hơn, nhưng không phải là “nhiếp” ảnh. “Nhiếp” là thu vào. Thu

vào hai hay nhiều cái khác nhau, rồi đem ráp lại thành một cái gì khác, vẫn là nhiếp ảnh nhưng ...không hẳn là nhiếp ảnh. Người ta sẽ nghĩ ra một cách gọi khác, hợp thức hơn...

Nhiếp ảnh gia có khi dùng ống kính như một loại kính chiếu yêu, nhìn rõ và mô tả đúng chân tướng của “người mẫu”.

Có lần tôi được xem một bức ảnh đen trắng chụp Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ anh minh của đảng Cộng Sản Việt Nam, chụp vào đầu thập niên 60, qua ống kính của một nhiếp ảnh gia ngoại quốc. Đó phải là một bức ảnh được cho phép chụp, với ánh sáng đèn rọi, hậu cảnh trắng, không phải chụp lén. Người mẫu tóc tai gọn gàng, mặt mũi tươi tỉnh.

Hình “bác Hồ” thì nhiều vô số kể, nhiều hơn hình bất cứ cô văn công nào. Phần lớn là hình “bác” đẹp như ông tiên, ôm hôn nhi đồng (gái); toàn là đóng kịch, chỉ có một điểm thật, là ít khi thấy “bác” ôm hôn các cậu con trai!

Vậy mà trong rừng ảnh “bác”, có một tấm hay, lột tả được chân tướng “bác”.

Họ giả của “bác” là Hồ, chữ Hán viết bằng hai chữ, “cổ” bên trái “nguyệt” bên phải, nhưng trong ký âm quốc ngữ, “Hồ” là họ có cùng tự dạng với hồ là loài chồn, cáo. Lúc đó vụ cải cách ruộng đất xảy ra chưa lâu, hai tay Hồ còn bê bết máu me đồng loại, đồng bào. Nhiếp ảnh gia, qua bức ảnh, không thể thêm một nét, không thể bớt một ly, chỉ có thể dùng ánh sáng và đường nét, đã trình bày trọn vẹn, trung thực và đầy đủ tính cách gian xảo và độc ác của loài chồn cáo lên làm người. Đó là một tác phẩm, vừa sống động, vừa trung thực, nâng nhiếp ảnh lên hàng nghệ thuật...

Nói chung chung, “nhiếp ảnh” thông thường là sao chép, ghi lại, thu lại một hình ảnh có sẵn, là mô phỏng, không phải sáng tác.

“Nhiếp ảnh nghệ thuật” ngoài một phần mô phỏng còn có sáu phần đóng góp của người chụp:

- Cách sử dụng ánh sáng
- Đường nét
- Bố cục
- Nhuận sắc
- Cảm xúc
- Trình bày.

Khi xem ảnh, trong rất nhiều trường hợp người xem nhận ra ngay bức ảnh ấy do nhiếp ảnh gia nào chụp, Nguyễn An Ninh, Phạm Văn Mùi, Cao Đàm, Cao Lĩnh, Nguyễn Ngọc Hạnh hay Trần Đại Lộc... hoặc ít nhất, theo khuynh hướng của nhiếp ảnh gia nào.

Nhiếp ảnh nghệ thuật do đó, là một nghệ thuật nên ảnh nghệ thuật là một tác phẩm sáng tác, dù dựa trên thiên nhiên. Không có thiên

nhân, chiếc máy hình trở nên vô dụng, nhiếp ảnh gia trở nên vô năng; nhưng thiếu tính cách nghệ thuật và kỹ thuật, tấm ảnh chỉ mô phỏng thiên nhiên, là một vật chết, không có hồn. Nhiếp ảnh gia là người tạo ra cái thần hồn cho tác phẩm của mình, như người xưa điểm nhãn tranh vẽ rồng thiếu mắt khiến nó trở thành vật sống. (nhn)

(*) Người viết nghĩ đâu viết đây, không bận tâm chọn chữ:
Digital camera, memory card.



Thơ Mộng

Du mộng trên dòng thơ
Cảm giác êm đềm thoát tục
Hạnh phúc đến rất đơn sơ chân thực
Không rượu mà hồn tôi ngất ngáy
Nnhư tỉnh như say
Chợt nghe tiếng thức vang đầy tiếng tơ
Đôi khi ngừng lại giữa mơ
Tôi chiêm ngưỡng những bất ngờ lá hoa
Ngọt ngào tình ý.
Thú vị ngâm nga
Nhâm nhi thi tứ với hương trà
Hoặc ly cà phê đậm đà nóng hổi
Thơ cung hiến tình người, vui buồn, hờn dỗi
Tâm tư bộc phát chân thành
Dệt khung trời mộng
Nguồn cảm hứng trào dâng lỏng lẻo
Choáng ngợp tình thơ
Hỡi Nàng thơ thuần túy
Xin hãy sống vẹn toàn chân thiện mỹ
Đừng son phấn ngoại hình,
Thơ thuần túy là người tình thủy chung
Yêu em yêu đến vô cùng
Tôi say đắm giữa ngàn trùng mộng mơ
Trời cho còn sống còn thơ
Lặng đénh biển mộng, vẫn vợ thuyền tình
Hồn thơ hay hồn mình
Tôi như con bướm đã tình yêu hoa
Hương hoa tinh khiết
Đài các mỹ miều
Sắc hoa man dại hoang liêu ven đồi
Sắc hương đắm đuối hồn tôi
Tơ vương duyên định một đời mộng hoa

Trần Quốc Bảo

Richmond, VA

Nhà có hoa trắng

Hoàng Nga

Căn nhà nằm bên phải con dốc tôi đi nhà thờ mỗi tuần. Ở trên một nơi cao nhất của con dốc nên chỉ cần đứng từ ngã tư đường nhìn lên là đã có thể thấy một phần phía bên hông nhà sơn màu xám sẫm và một mảnh sân thường vẫn bị tuyết phủ kín vào mùa đông, và lá vàng vào mùa thu. Căn nhà thật ra rất bình thường, nếu không muốn nói là tầm thường, hoàn toàn chẳng có gì đáng để được chú ý chỉ trừ khi những đóa hoa trắng muốt trước hàng hiên và chung quanh nhà nở rộ.

Khi tôi đến thành phố này được vài tháng thì mùa đông cũng đã vội về. Cái lạnh của miền trung nước Mỹ, nếu so ra với thành phố tôi từng sống nằm dưới chân núi Alpe quanh năm băng giá có lẽ cũng không khác gì mấy. Tôi hay đùa, từ nơi âm hai mươi độ Celcius đổi sang vùng trừ vài độ Fahrenheit có lẽ giống hệt nhau, vì ở đâu cũng phải mặc áo choàng, mang găng tay và quần khăn quàng cổ. Khi đi ra đường thì ở cả hai nơi, cũng đều phải vội vã nhảy lên xe, chẳng bao giờ có đủ thì giờ ngắm nghía cảnh vật quanh mình.

Và có lẽ vì vậy mà mùa xuân năm đầu tiên sống ở đây, khi mấy bà cháu rủ nhau đi bộ để được ngắm những chồi non vừa mới nhú, được nhìn những tầng mây trên bầu trời xanh lơ nghe tiếng chim hót nhẹ nhàng và vui theo bầy sóc đuổi nhau trên những nhánh cây già, bất thình lình nhìn thấy những đóa hoa huệ trắng muốt mà trên sân nhà ấy, tôi đã ngân người. Sang đến đầu mùa hè thì bên hông nhà, các bụi cẩm tú cầu trắng nở, nở những đóa hoa lớn như quả bóng và đong đưa trên mái những nhánh diên vĩ thảo thơm ngát còn khiến tôi ngân ngơ hơn.



Không biết bao nhiêu lần tôi đã dùng chân bên vệ đường, dán mắt vào hàng hiên nhỏ và khoảng sân ngợp một màu trắng thanh khiết, trắng tinh khôi như màu áo cô dâu ấy, mà ngỡ như mình đang lạc bước vào chiêm bao. Cái màu trắng, trắng đến nao lòng của những đóa hoa huệ và cẩm tú cầu nổi bật trên đám lá xanh biếc làm tôi không còn để ý đến những bức tường gỗ cũ kỹ dường như đã lâu ngày không hề được sơn phết. Cả cái mái lợp nâu đen có nhiều mảnh gãy lỗ chỗ cũng không hiện ra dưới tầm nhìn của tôi khi được che bằng những nhánh hoa có cái tên tiếng Việt khác rất ngộ nghĩnh, “hoa ông lão”. Nếu tôi nhớ không lầm thì mãi đến cuối thu, khi tất cả những đóa hoa huệ đã tàn úa và những đóa cẩm tú cầu bắt đầu ngả sang xanh hay hồng xám, và diên vĩ chỉ còn trơ lại những sợi dây leo khô khốc đen đui như đã chết, tôi mới nhận ra vẻ tiêu điều, ảm đạm của căn nhà.

Một căn nhà, một khu vườn thật lạ. Bởi toàn bộ cỏ hoa ở đó chỉ có màu trắng, kể những bụi huệ tây cánh nhỏ và những đóa cúc đại mộc sát ở bờ tường cũng vậy. Nhiều bận bắt gặp khoảng không gian quanh nơi ấy bừng sáng lên một cách hết sức khác thường, tôi cứ tiếc thắm trong bụng. Cứ nghĩ phải chỉ chủ nhân ngôi nhà bỏ ra chút thì giờ sơn sửa lại, đổi bức tường xám ngoẹt kia thành ra màu rượu chát hoặc thay cánh cửa nhàn nhạt u buồn ở trước mặt nhà ra gỗ nâu thì tuyệt biết dường nào. Và tôi gọi đó là nhà có hoa trắng, bắt chước cái tựa truyện “nhà có hoa mimosa vàng” của nhà văn Hoàng Ngọc Tuấn ngày xưa, bởi như Đà Lạt, ở nơi này cũng có những hôm trời se se lạnh, cũng có những con dốc cao cao chạy vòng quanh, chỉ thay cho màu vàng kiêu sa của những đóa mimosa bằng màu trắng tinh khôi của huệ, của cẩm tú cầu, của cúc đại...

Tôi thường hay tự hỏi chủ nhân của căn nhà ấy là ai, làm sao có thể có được một hàng hiên, một khu vườn đầy hoa trắng như thế dấu vẫn biết hoa huệ, loại Cascablanca lilies, hay cẩm tú cầu hydrangea, hoặc hoa “ông lão” clematis vẫn đơm hoa trở nụ hằng năm sau những ngày chôn mình dưới giá tuyết lạnh lùng. Mỗi Chúa Nhật khi đi ngang qua đó, là câu hỏi “không biết cái ý niệm nào đã khiến người chủ nhà chỉ trồng toàn hoa trắng” lại hiện ra với tôi.

Có đôi lúc chỉ để mừng tượng cho vui, nhưng tôi cứ nghĩ nếu như bước ra từ bên trong cánh cửa màu xám tro ấy, là một cô gái có dáng dấp mảnh khảnh, tóc xõa ngang vai, hay một thiếu phụ với gương mặt thanh tú pha thêm đôi chút buồn bã, u sầu nhẹ nhàng nào đó, hẳn tôi sẽ không ngạc nhiên bao giờ. Vì thế tôi lại còn lãng mạn vẽ thêm trong trí, một bức tranh cuộc đời đầy thơ mộng của một người họa sĩ, một thi nhân đang trú ngụ trong căn nhà ấy, giữa một vườn hoa trắng thanh khiết.

Sự thực, hoàn toàn không như tôi tưởng tượng.

Khi dọn về thành phố này khoảng chừng hơn ba mươi dặm, con gái và rề tôi cứ nghĩ sống ở gần phố sẽ vui hơn và tiện lợi hơn, nên đã chọn khu vực downtown. Tuy nhiên chưa được vài năm, thì cả hai mới biết ra downtown là chi dành để... đi uống cà phê, hay đi ăn sáng! Bởi giống như mọi downtown khác, bất cứ thứ gì ở đây cũng đắt đỏ hơn, phiền phức hơn, đã thế nhà cửa vừa nhỏ lại vừa cũ, ra đường kiếm ra chỗ đậu xe cũng khó khăn hơn nơi khác. Bởi thế các con tôi bắt đầu có ý muốn dọn đi. Một hôm trong bữa cơm chiều, con gái tôi bảo hội đồng thành phố đang chuẩn bị xây dựng lại và sửa đường ở chung quanh khu vực này. Con rề tôi đáp:

- Đường số Ba và đường Mười Bốn nhiều ổ gà, nhà cửa thì xập xệ, cũ và xấu. Nếu không xây dựng lại chắc vài ba năm nữa ở đây sẽ thành những khu nhà ổ chuột.

Con đường trước mặt nhà chúng tôi cũng không khá. Nhà cửa chẳng mới mẻ gì. Có thể nói là gần như chỉ có gia đình chúng tôi và hai người hàng xóm ở phía đối diện còn chịu khó sửa chữa hằng năm, còn lại, nhất là khu chúng cư ở cuối đường, lúc được xây lên ra sao thì cho đến thời điểm ấy vẫn giữ nguyên như vậy.

Thời tiết miền trung Mỹ vốn khắc nghiệt, hằng năm hứng đủ mọi thảm họa từ tuyết, gió, mưa đá, bão lớn bão nhỏ trọn những mùa xuân, thu và đông, sang đến hè thì nắng gắt gay, nắng cháy bỏng, nếu không được chăm sóc, tu bổ, có lẽ thứ gì cũng có thể thành tòi tệ.

Đề tài mua, bán nhà, nhanh chóng bỗng trở nên rộn rã trong gia đình tôi. Nhưng riêng tôi thì không muốn, vì mới vừa dọn núi Alpe sang Úc, rồi từ nam bán cầu sang, lại tìm ra được nhà thờ gần, chỉ cần nghĩ đến chuyện phải bắt đầu làm quen với khung cảnh mới và người mới, là tôi thấy ngán đến tận cổ. Tôi bàn ra nhiều lần. Một lần không hiểu sao tôi lại nhắc đến ngôi nhà có hoa trắng ở đường số Mười Bốn và nói thật ra con đường ấy cũng đâu có xấu xí gì. Con rề tôi bật cười, trêu:

- Thì ra mẹ không thích dọn đi chỉ vì ưa căn nhà ấy.

Con gái tôi đùa thêm:

- Vậy nếu dọn qua nhà mới, mẹ sẽ được trọn quyền bỏ hết hoa cũ để trồng lại toàn hoa trắng. Và như vậy thì mẹ khỏi cần phải mất công... lên lút tới ngắm nhà người ta!

Tôi chống chế vì trường học cho mấy con bé gần, siêu thị chỉ cần vài bước là tới nơi nên không muốn đi. Các con tôi không nói gì. Nhưng cho đến một hôm chúng tôi phát giác ra hai chiếc xe đạp dựng ngoài sân dùng cho mùa hè bị đánh cắp; một chuyện chưa bao giờ xảy ra kể từ khi con rề tôi được sinh ra và lớn lên ở thành phố này, thì tôi mới bắt đầu thấy lao đao.

Con gái tôi nói gần đây, khu vực nhà chúng tôi có thêm nhiều người lạ -- những người mà thoát nhìn, dấu không muốn “đánh giá” vẫn thấy khó có thể tin là người hiền lành. Con tôi bảo không phải chỉ vì dáng dấp bên ngoài, hay bởi cách ăn mặc cầu thả bản thiêu đầu bù tóc rối của họ, cũng không phải vì thấy họ xâm mình đặc kín, mà vì cách ăn nói dừ dãn cùng những tiếng chửi thề liên tục trên miệng, trong mỗi câu nói...

Tôi ái ngại nhớ lại nhiều lần tình cờ trong siêu thị, hay dọc đường đi, nghe những người như vậy chửi thề, tôi cũng đã phải nói nhỏ, nói khéo với hai đứa cháu ngoại rằng họ có cách nói khác với những gì chúng được dạy ở nhà và ở trường, nên cứ xem như là chưa nghe thấy gì. Một lần con bé lớn bảo tôi:

- Mẹ của Hailee cũng có nói giống như vậy.

“Mẹ của Hailee” chính là Amelia, bà chủ ngôi nhà có hoa trắng.

Tôi hỏi lại:

- Con nghe cô ấy nói như vậy hỏi nào?

Con bé đáp thấy Amelia nói chuyện với một người đàn ông ở ngoài khuôn viên nhà thờ lúc phụ với cô giáo trưởng Chúa Nhật mang đồ đạc ra xe.

Phải thành thật mà nói là tôi đã khá bối rối, không biết trả lời như thế nào, vì Amelia là người cùng học chung lớp membership với tôi để trở thành hội viên của nhà thờ. Tôi là hội viên cũ của giáo hội Úc mới chuyển đến, còn Amelia là người mới, chẳng thuộc về một tổ chức tôn giáo nào trước đây.

Hôm ấy, để tạo không khí vui vẻ với người mới và cho chúng tôi làm quen với nhau, vị mục sư quản nhiệm đã đặt câu hỏi tại sao chúng tôi chọn nhà thờ này. Tôi đùa vì gần nhà và vì ở đây không có nhà thờ người Việt. Người khác thì bảo do được người quen hay người thân giới thiệu. Dường như ai cũng vui vẻ nói giễu đôi ba câu. Chỉ trừ Amelia. Đến lượt mình, người phụ nữ này đã nhún vai đáp tình cờ nhìn thấy một cái nhà thờ nằm sát bên quán rượu, nên tò mò muốn vào thử cho biết. Vị mục sư mỉm cười:

- Rồi các bạn thấy như thế nào khi sinh hoạt ở đây?

Tôi vui vẻ trả lời tôi rất thích vì tôn chỉ và cách thờ phượng của Hội Thánh ông quản nhiệm giống hệt như nơi tôi từng sinh hoạt ở Sydney. Tôi nói thêm vì ở hai lục địa khác nhau và hai cộng đồng cũng khác, một Mỹ, một Việt, nhưng có điểm chung, nên tôi đã yên tâm muốn trở thành hội viên chính thức. Mọi người trong nhóm cũng trả lời tương tự. Riêng Amelia thì lại nhún vai, nhếch một bên mép, nhát gừng bảo “cũng ok”, rồi uể oải tiếp:

- Chưa thấy có gì đặc biệt.

Cái câu trả lời chẳng có vẻ gì là sợ người khác mịch lòng hay phật ý, hẳn có thể rất đúng với những gì mà cô đang nhận xét, cũng không đụng chạm gì đến tôi, nhưng nghe như vậy, rồi nhìn thêm cái nét chán chường vẫn thường thấy ở một số người trẻ có lối sống bất cần đời, bỗng dung lại khiến tôi thấy khó chịu. Tôi liếc nhìn xuống cánh tay để trần, xâm đủ loại rỗng rần, màu mè, nghĩ thầm trong bụng, không biết người phụ nữ này có tưởng tượng một cái nhà thờ nằm cạnh quán rượu thì sẽ có một sinh hoạt khác thường nào đó so những ngôi nhà thờ nằm một mình trên đồi cao hay không. Rồi tôi lại thắc mắc chẳng biết cô nghĩ gì vì đã “không thấy đặc biệt” mà vẫn muốn trở thành hội viên...

Ngày hôm ấy, tuy không dám nhìn thẳng mặt người phụ nữ này, nhưng những tuần sau đó tôi cứ dán mắt ở đằng sau lưng cô. Trong lòng lại nom nớp sợ cháu tôi sẽ nghe cô chửi thề ở đâu đó một lần nữa.

*

Hệt như một dạng người mà Chúa Giêsu nhắc đến nhiều lần, loại “hypocrite”, giả hình, tuy ngoài mặt vẫn tươi cười lịch sự nhưng trong lòng hay thích xét đoán, hay chỉ trích người khác, tôi đã âm thầm quan sát rồi nghĩ ngợi lung tung về Amelia, đoán già đoán non về quá khứ của cô. Mà có thể nói là đến hơn chín mươi phần trăm là những suy đoán không hay ho, không đẹp đẽ gì cả.

Amelia có sáu đứa con. Đứa lớn nhất khoảng độ mười bốn tuổi, và đứa bé nhất còn bé trên tay. Chúa Nhật, cứ nhìn thấy bốn đứa lóc nhóc, loai choai đi theo mẹ và thằng lớn nhất đẩy xe cho em, là tôi lại liên tưởng đến những cô bạn hàng xóm bị bé em đến vẹo cả sườn vì mẹ sinh nhiều. Nhưng thay vì thương cảm cho người phụ nữ ấy, tôi lại nghĩ đến những chuyện không ai nhờ tôi... nghĩ giùm. Thay vì tán phục, khen cô giỏi, biết chăm sóc sáu đứa con, chuyện hi hữu ở Mỹ, ở một phụ nữ Mỹ, thì tôi lại cứ nghĩ một cách hết sức hồ đồ rằng đây có thể là một trong những gia đình đang làm xã hội nặng gánh. Trong đầu tôi cứ lẩn quẩn những an sinh xã hội, những welfare...

Tôi không nhớ nổi tên bọn trẻ. Không nhớ rõ đứa nào anh, đứa nào chị, nhưng khi biết ra có vài đứa này không cùng họ với vài đứa khác, thì lòng lại trĩu thêm thành kiến. Tôi không hề nghĩ đến một ngày tôi được nghe chuyện đời cô trong một buổi sinh hoạt phụ nữ sau khi đi nhà thờ khoảng chừng một năm.

Tôi không biết phải bắt đầu câu chuyện của Amelia ra sao, nên xin thuật lại lúc tôi nghe nghe chính cô kể chuyện đời cô, vẫn bằng cái giọng lạnh tanh bất cần đời. Amelia nói:

- Tôi lớn lên trong một gia đình tệ mạt không ra gì. Ba tôi là một người vừa nghiện rượu vừa thô bạo, còn mẹ tôi thì yếu đuối và phụ thuộc hoàn toàn vào ba tôi. Tôi chưa bao giờ thấy bà có một quyết định rõ ràng, đúng đắn cho bản thân, nói gì đến cho người khác, cho các con. Mỗi

ngày chính mình bị ăn một trận đòn, rồi thấy mấy chị em tôi bị quất bằng roi da, bằng những thanh gỗ nặng, mà bà chỉ biết khóc rồi mặc tình ông muốn làm gì thì làm. Năm tôi mười sáu tuổi, tôi bị một trận đòn thừa chết thiếu sống. Lý do rất khôn nạn là ba tôi đã muốn tôi đồng ý ngủ với một thằng già để lấy tiền xài riêng cho mình. Một thằng già... Phải, một thằng già nhăn nheo ghê tởm, người lúc nào cũng hôi hám, đầy mùi thuốc lá và rượu. Vậy đó mà ba tôi đã nói với tôi, “mày chỉ cần uống thuốc ngừa thai, rồi ngủ với nó chứ có làm gì khác đâu mà không chịu. Tao có bắt mày giết người cướp của đâu mà sợ!”

Tôi sưng người nhìn lên khuôn mặt lạnh lạnh cổ hữu của Amelia. Tưởng chừng như có ai vừa giáng xuống đầu mình một nhát búa. Tôi lúng búng cả hai tai khi nghe Amelia kể tiếp:

- Giết người cướp của... Giết người cướp của thì ngồi tù, trong khi chịu ngủ với thằng già đó thì ba tôi có tiền và tôi cũng sẽ được chia chác chút đỉnh. Ba tôi quan niệm “khi mày có bạn trai, mày cũng sẽ ngủ với thằng đó nhưng chắc chắn là không có đồng bạc nào hết!”...

Rồi Amelia bật cười:

- Lúc nhỏ mẹ tôi hay nói đến một trong mười điều răn của Chúa, là “hãy hiếu kính với cha mẹ để được sống lâu trên đất”. Hiếu kính và sống lâu... Xin thử tưởng tượng tôi sẽ được sống đến bao lâu khi “hiếu kính” với một người cha như vậy. Thử tưởng tượng tôi sẽ ra như thế nào khi đền đáp “công ơn” ông đã góp phần tạo ra tôi trên cõi đời này bằng cách kiếm tiền cho ông như vậy.

Những giọt nước mắt không tràn ra được trên đôi mắt đỏ hoe của Amelia, cô thở hắt ra một hơi dài và nặng:

- Dĩ nhiên là tôi đã phản đối cho tới cùng. Về phần ba tôi cũng quyết liệt muốn lấy số tiền nào đó của thằng già ấy, nên cuối cùng đã phang cho tôi không phải một mà là nhiều trận. Ban đầu mẹ tôi không hay biết chuyện này. Bà cứ tưởng tôi chỉ bị ăn đòn “như thường lệ”, nên không can thiệp, nhưng cuối cùng, vào cái ngày tôi sinh tử với ba tôi thì mẹ tôi mới bàng hoàng khi nghe tôi la hét như một con điên và nói huỵch toẹt ra, bảo ông có muốn giết thì cứ giết, chứ tôi sẽ không bao giờ muốn ngủ với thằng già hôi hám đó. Mẹ tôi cũng la lên rồi cuối cùng là lao đến, nhào vào giữa những thanh củi đang bổ xuống tôi. Bà hét lên bảo tôi chạy đi...

Amelia chạy ra khỏi nhà. Chạy về phía những đống thanh thiếu niên hay tụ tập dưới phố. Trong những đống homeless, lang thang không về nhà ấy, có một đống học chung với cô lúc còn tiểu học, thỉnh thoảng gặp vẫn còn chào hỏi nhau. Thằng bé này cho cô nhập bọn. Amelia trở thành vô gia cư. Bỏ học. Lang thang. Và rồi thay vì trốn chui trốn nhủi để khỏi bị bắt gặp, Amelia đi Minneapolis, cách tiểu bang chúng tôi gần

ba trăm dặm. Sống ở thành phố lớn, không tiền, không nghề nghiệp, cuối cùng Amelia trở thành gái giang hồ. Cô thở ra một hơi mạnh:

- Tôi không liên lạc với bất cứ ai chỉ trừ một lần duy nhất gọi về cho di tôi, bảo bà nhắn mẹ tôi là đừng ra cảnh sát khai tôi mất tích...

Trong mấy năm liền, tôi không hề biết cha mẹ, anh chị em tôi sống chết như thế nào. Không hề gặp bất cứ người quen biết nào, cho tới lúc gặp anh ấy, người chồng đầu tiên của tôi.

John học chung với Amelia năm cuối cùng trước khi cô bỏ nhà đi, người tình cờ nhìn thấy những vết bầm trên tay cô mặc dầu khi đi học, cô đã dấu kín chuyện bị đánh bằng cách mặc áo tay dài. Điềm đặc biệt đã khiến John để ý đến Amelia là thỉnh thoảng khi trời chưa lạnh, cô vẫn quần khăn quàng cổ. Amelia cười, nụ cười tôi chưa bao giờ nhìn thấy ở cô:

- John nói có một lần ở cuối sân trường, có lẽ do nóng quá mà tưởng chung quanh không có ai, tôi đã kéo ống tay áo lên cho mát, không ngờ anh ngồi ở đằng sau tự bao giờ. John đã thấy những vết bầm đó, và biết ngay là tôi bị đánh vì chính anh cũng là người thường xuyên bị ăn đòn ở nhà. Bố anh cũng là một người nát rượu...

Sau khi tôi bỏ nhà đi, thì John vẫn tiếp tục đến trường và sau đó học xong đại học. Chính con người có cuộc đời khá hơn tôi do nhiều nghị lực và ý chí ấy đã lôi tôi ra khỏi vũng bùn. Chúng tôi cưới nhau...

Khuôn mặt Amelia đang sáng, bỗng trở lại u buồn và âm đạm:

- Nhiều lần John khuyên tôi nên trở về thăm mẹ tôi và các em. Cũng khuyên tôi nên tha thứ cho ba tôi. Anh bảo ba anh cũng đối xử thật tệ bạc với mình thời thơ ấu nhưng anh không hận ông lâu. John nói khi không tha thứ cho người khác được, thì chính mình sẽ là người nặng lòng hơn hết. Tôi cãi lại John vì tôi nghĩ John không biết cái đớn đau của tôi, không hiểu được tôi đã sống tủi nhục như thế nào. John chỉ bị đánh, bị hắt hủi, trong khi tôi thì gần như bị bán cho quỷ dữ. John không biết tôi cảm hận ba tôi đến độ nào...

Amelia thở dài:

- Chúng tôi ở với nhau được ba đứa con thì đột ngột John trở bệnh. Cái chứng bệnh ung thư quái ác không có những biểu hiện đặc biệt để chúng tôi kịp trở tay. Trong nhiều năm liền tôi vẫn tự hỏi tại sao tôi là người phải chịu đựng những đau đớn, tại sao tôi luôn luôn là nạn nhân, luôn luôn gặp những điều bất hạnh như vậy.

Cả hội trường nín lặng. Không một tiếng thở nào có thể bật ra. Tim tôi càng lúc càng như có ai đang siết cứng. Tôi vừa xấu hổ vì những đoán xét vội vã của mình về người phụ nữ này, vừa thấy thương cô quá quắt quay. Cô hít thở liên tục để chặn cơn xúc động:

- John đã qua đời sau sáu tháng chữa trị. Không còn John, tôi như người hụt chân. Thế giới chung quanh tôi đổ sụp xuống không ngờ.

Tôi chẳng tưởng tượng được sao mình lại có thể bơ vơ đến độ ấy. Nếu không vì các con tôi, chắc là tôi đã tự tử lâu lắm rồi.

Một tuần lễ sau khi chôn cất John xong, người nhà của John cũng đã về, quá trợ trợ, Amelia mới bắt đầu nghĩ đến những gì anh đã từng đề nghị với cô. Cô gọi điện thoại về nhà cho mẹ và các em. Đến lúc ấy mới hay mẹ cô bệnh rất nặng, và ba cô thì còn đang ngồi trong tù với tội hành hung gây thương tích cho mẹ cô nhiều lần, và một vài tội danh khác. Nghe vậy, Amelia vội vã đưa các con về thăm và ở lại với bà vài tuần. Cô kể:

- Tôi chỉ về thăm được mẹ tôi lần ấy đầu từ Minneapolis về nhà mẹ tôi không xa. John mất đi rồi, tôi phải bươn chải nuôi con nên rất khó khăn. Tuy nhiên tôi có gọi điện thoại thăm bà gần như mỗi tuần...

Tôi nhớ có nhiều lần Amelia đã cúi nhìn xuống bàn tay mình một cách buồn bã như thể nhìn sự bất lực của mình:

- Mẹ tôi chỉ sống được một thời gian ngắn, chỉ độ hơn nửa năm kể từ sau ngày tôi về thăm bà. Nhưng có lẽ đó là khoảng thời gian quý nhất trong cuộc đời tôi, vì đó là lần đầu tiên tôi cảm thấy mình thật sự có một người mẹ, một chốn để nhớ.

Amelia chặc lưỡi, rồi nói một cách băng quơ như kiểu nói hằng ngày của cô:

- Ai cũng cần có một người mẹ...

Tôi nắm chặt lấy hai tay mình lại với nhau. Amelia tiếp tục câu chuyện của cô:

- Lúc còn sống, mẹ tôi có nói với tôi về những điều bà mơ ước. Bà bảo nếu tôi có được những điều ấy, thì bà mới có được sự bình an khi nhắm mắt xuôi tay. Là bà mong tôi sẽ có được một người chồng tử tế như đã có John. Điều thứ hai là bà muốn tôi có một căn nhà, mua cũng được mướn cũng được, lớn cũng được mà nhỏ cũng không sao, và đẹp hay xấu đều cũng không thành vấn đề, miễn đó sẽ là chỗ mà tôi muốn trú ngụ, là chỗ mà tôi không muốn rời xa cho dẫu bất cứ hoàn cảnh nào xảy ra trong đời tôi...

Amelia chớp mắt:

- Những mơ ước thật bình thường với mọi người, nhưng có lẽ đối với chúng tôi, từ mẹ tôi cho đến bản thân tôi đều là những điều rất khó để mà thực hiện. Tôi biết tìm đâu ra được một người như John, một người có thể hiểu, có thể thông cảm và có thể chịu đựng những đau đớn vẫn ám ảnh tôi hằng ngày như vậy... Tôi là người không biết cười từ thời còn thơ ấu, là người không muốn thấy mặt trời lên hoàng hôn buông xuống lúc trưởng thành. Trong mắt tôi điều gì cũng không đẹp. Người nào tôi cũng không tin...

Nhưng như vậy đó mà cuối cùng Amelia đã tái hôn. Với một người mà cô bảo không tài giỏi như John, không hiểu cô hoàn toàn như

John, nhưng biết thông cảm và sẵn sàng giúp cô lo cho các con. Amelia chép miệng:

- Tôi chỉ tiếc một điều là mẹ tôi đã không thể thấy những nụ cười của tôi bên cạnh người ấy, vì tôi gặp anh hơi muộn, sau khi mẹ tôi qua đời vài năm... Anh hiểu rất rõ hoàn cảnh của tôi, nên đề nghị chúng tôi đi tìm một thành phố khác để sống, để quên đi chuyện cũ. Nhưng sau khi đi lòng vòng vài nơi, cuối cùng tôi nói với anh, tôi chọn về sống lại ở nơi này. Tôi muốn trở về để đối mặt với quá khứ. Bởi tôi nghĩ chỉ khi nào tôi vượt qua được chính mình thì quá khứ mới không còn làm khó dễ tôi nữa... Cả khi tôi đến nhà thờ này, cái nhà thờ nằm cạnh một quán rượu, tôi cũng đã thách thức chính mình, rằng để xem mình bình tĩnh đến đâu khi nhìn thấy một hình ảnh như vậy.

Tôi ngược nhìn Amelia, hai bàn tay đặt trong lòng tôi cứ run lên từng chập một. Tôi hỏi hớp đến độ muốn nín thở. Chỉ sợ Amelia bật khóc. Chỉ sợ cô nói cô thua cuộc. Phải khó khăn lắm tôi mới nghe tiếp được chuyện lòng của cô:

- Ở tại nơi này tôi nghe nói về lòng nhân ái, về tình yêu thương và sự tha thứ. Nhưng với tôi, chỉ cần nghĩ đến chuyện tìm thăm ba tôi một lần trong tù đã thấy khó rồi, huống gì là tha thứ. Nhiều lần tôi tự nói, cứ kể như ông đã chết rồi nhưng tôi làm không được. Tôi cứ nghĩ đến điều mẹ tôi không dám nói thẳng với tôi, mà nói bóng gió về việc Chúa dạy hãy tha thứ cho kẻ nghịch thù. Mẹ tôi muốn tôi tha thứ.



Amelia rùn vai:

- Tha thứ... Có tha thứ được hay không? Cho một người sẵn sàng đẩy con mình xuống vực, đánh vợ mình ra nông nổi như vậy. Sau khi tôi đi rồi, mẹ tôi còn bị đánh nhiều lần nữa, cho đến lúc hàng xóm chịu hết nổi nên đã kêu cảnh sát. Nhưng ở tù vài tháng ra, ông lại giờ trò vũ phu như trước, và lần cuối cùng là em trai tôi đi thưa với đầy đủ bằng cứ. Tội nợ cộng tội kia, ba tôi bị tổng giam cho đến bây giờ.

Amelia chùi nước mắt:

- Có thể tha thứ hay không? Tôi loay hoay mãi cho đến hôm quyết định vào trại tù, muốn mặt đối mặt với ba tôi để xem mình còn căm hận ông đến đâu. Tôi suy nghĩ kỹ càng và chuẩn bị kỹ càng đủ mọi điều. Soạn ra trong đầu những gì sẽ nói, kể cả những câu chửi mắng như có lần tôi chửi một người quen biết cũ của ông ở ngay cạnh sân nhà thờ này khi ông ta nhắc đến ba tôi.

Amelia nói cô vẫn tưởng mình sẽ phản ứng dữ dội lắm.

- Vậy đó mà lúc thấy mặt ông rồi, tôi hoàn toàn không biết phải nói gì. Ông tiêu tụy, già nua thì đã hẳn, mà còn như một người mất trí. Ba tôi bị bệnh Alzheimer, không nhớ gì nhiều. Tôi đã ngồi ngó ba tôi, cơ hồ ngó một cái bóng nắng ngã trên đường, ngó một cây cải tàn tạ cuối mùa. Chẳng thăm hỏi cũng chẳng mắng mỏ như đã nghĩ. Tôi chỉ ngó. Rồi tôi đi về. Nhưng tự dưng trước khi tôi quay lưng đi, thành linh ba tôi bỗng hỏi “mấy cái hoa trắng bà ấy trông có còn sống không vậy?”

Tôi sững sờ nhìn lại ba tôi với hình ảnh những giọt nước mắt trào ra hai bên khóe như một ông già hiền lành, chất phác nào đó đang nhắc đến người vợ yêu thương đã qua đời của mình.

Mấy cái hoa trắng... Tôi không thể nào ngờ ba tôi còn nhớ mẹ tôi yêu hoa trắng, và trồng hoa trắng như vậy, dù ngày xưa mẹ tôi chưa bao giờ có được một mảnh đất, một miếng vườn để trồng những loại hoa mình thích. Bà chỉ có một hai cái chậu sứ mẻ ở đầu nhà mà ba tôi luôn dọa sẽ đập đổ... Tôi bật khóc nức nở. Tôi tự hỏi, có phải chẳng, con người, khi đến cuối cuộc đời mới biết đâu là cội nguồn?

Amelia kết thúc:

- Có thể ba tôi sẽ được thả khỏi tù sớm vì căn bệnh của ông, và không biết người ta sẽ đưa ông đi đâu, cho ông ở chỗ nào. Thật lòng mà nói, tôi chưa dám chắc mình đã thương yêu, đã tha thứ cho ông đủ để đưa ông về nhà ở, nhưng mỗi bận đi ra vườn, nhìn thấy những bụi cây tôi đã trồng từ ngày về lại thành phố này, thì tôi lại nghĩ tới câu ba tôi hỏi, mấy cái hoa trắng...

Hoàng Nga

TRONG MƠ

Ngoài song ta đứng ngẩn ngơ
Bên song em vẫn thờ ơ lạnh lùng
Tiếc gì một nụ môi hồng
Một tia mắt ấm mà không trao môi?
Để ta lạc lõng giữa trời
Nắng vàng từng giọt rã rời pha phôi.
Bên này ta vẫn đơn côi
Ngâm buồn thân phận nổi trôi tháng ngày
Đêm về uống rượu thật say
Ngỡ như em mở vòng tay đợi chờ.
Thì thôi em cứ thờ ơ
Còn ta, ta sống trong mơ một mình!

Lý Tống

SOLITARY DREAMS

*Outside here I was standing, an astounded fool;
Behind the window-frame you remained cool.
Why to spare just a smile on your lips, rosy, tender?
Why to save even an warm regard, not to render?
So that I myself felt lost in the inapposite place
With each yellow sunbeam in a withering space.
On this side I have still been always alone
Reflecting upon my plight, a plankton grown.
Every night I rely on wine to booze – gee! –
To imagine your opening arms intended for me.
Well, do continue to be chilly in the extreme!
As for me, I live my life in each solitary dream!*

Translation by **THANH-THANH**

Trên xí lạ

(phần 2)

Miên Kim

Chị thật sự đã quen với công việc ở sở, trung bình chị có thể ráp được 20 cái máy, so với người chung quanh thì không thua mấy. Nhớ lại ngày đầu tiên đi làm chưa quen, đôi chân của chị thật là mỏi vì phải đứng nguyên ngày, ngón tay cái thì nhức vì phải ấn mấy con ốc xuống. Chị than với cô bạn mới bên cạnh là cái đà này chắc chị không làm nổi, cô ta nói từ từ rồi sẽ quen đừng lo. Mấy hôm đó về đến nhà là chị mệt đừ, ăn rồi chị đi ngủ, sáng 5 giờ dậy, khoảng kém 7 giờ là chị và Minh rời nhà đi làm. Một hôm về đến nhà ăn qua loa xong, chị leo lên giường trùm mền nằm khóc sụt sùi suốt cho đến tối chẳng nói năng gì, Minh có dỗ cách mấy chị cũng không nín. Một lát sau Luân tỉnh cờ xuống lầu, hỏi han công việc quen chưa, thì giạt mình hỏi tại sao chị khóc. Chị trả lời:

- Cái bà xếp bà chê em làm không được nên bà đẩy em qua vựa ốc nguyên ngày thay vì ráp máy, chắc là em sắp bị đuổi.

Nói xong chị lại nức nở. Luân an ủi:

- Làm gì có chuyện đó! Ngày mai tui hỏi bà xếp của chị tại sao bà lại làm vậy. Chị cứ yên tâm.

Luân còn nói thêm nữa, chị cứ gạt đầu như dạ nhịp, nhưng đầu óc còn hoang mang nên không rõ là Luân nói gì. Luân chào chị và Minh rồi lên lầu.

Từ ngày qua Mỹ tới giờ chị hay bị tự ái, có mặc cảm, lại hay khóc nữa. Mỗi lần chị khóc là Minh cứ la lên, khóc cái gì mà khóc, càng làm chị thêm tủi thân. Chị nằm rồi thiếp đi lúc nào không biết.

Sáng thức dậy đi làm, chị gắng cùng cố tinh thần, bà xếp có cho nghĩ việc chị cũng không năn nỉ, có gì đi giữ con cho người ta. Nhưng nghĩ tới đó chị lại rơm rớm nước mắt. Đi giữ con thì chắc phải ở lại nhà người ta nguyên tuần chứ có xe đâu mà đi về hằng ngày, mặc dù Minh đổi bằng lái được một tuần, xe đã mua rồi, nhưng chỗ làm và khu Việt Nam thì trái đường, cách nhau hơn một tiếng đồng hồ thì làm sao Minh có thể đưa đón được. Chị nói nổi bản khẩu ra cho Minh nghe. Minh gạt đi và nói chị suy nghĩ bậy bạ, chờ Luân hỏi đầu đuôi ra sao với bà xếp rồi hãy tính.

Chị ngồi im cho đến khi xe đậu trước hãng. Cất đồ xong, chị ngập ngừng đi vào chỗ đứng cũ. Không ai nói gì hết. Mọi chuyện bình thường như hôm kia. Chị thắc mắc nhưng vẫn chăm chú làm. Đến giờ tan sở cũng không ai đã động gì đến chị, chị thấy yên tâm hơn.

Tối đó Luân cắt nghĩa cho chị là công việc nhiều quá nên bà xếp chuyển qua cách dây chuyền, chị làm còn chậm nên bà để chị vựa ốc, người làm nhanh hơn thì ráp phần khác để đồ đạc khỏi bị dồn đống ở một khâu, trong khi khâu dưới thiếu đồ để làm. Luân nói bà xếp thông cảm độ làm của những người mới. Chị cảm ơn Luân và tự trách cái tật hay lo vớ vẩn của mình.

Ngày hôm sau đó, Nhân, con trai của chị, sẽ tới phi trường Dulles khoảng 11 giờ sáng. Chị nhờ Thanh ra đón vì Minh chưa hành đường, và cũng vì lúc đó là giờ đang làm việc. Mới đó mà đã một tháng xa con, chị nôn nóng chờ gặp lại nó. Lúc bố Cali đi chị dặn dò đủ thứ, nào là ăn uống cho đầy đủ, nào là đi

ngủ sớm, ra đường phải cẩn thận,.. nó gat đi, bảo rằng chị lo lắng nhiều quá, nó đã 22 tuổi rồi đâu còn là con nít. Vi, đưa con gái, ở chơi với dì nó cho đến giữa tháng tám, vậy là còn tới ba tuần nữa mới tới, chị lẩm nhẩm.

Đang làm việc mà chị cứ mong cho thì giờ mau qua để về nhà gặp con. Chị nhìn đồng hồ đeo tay không biết bao nhiêu lần rồi mà vẫn thấy chưa đến giờ.

Cuối cùng giờ tan sở cũng phải đến. Chị đếm máy đã ráp trong ngày, thấy chỉ có 16 cái, chị hơi hối hận vì đã xao lãng trách nhiệm. Trên đường đi về chị nói Minh ghé qua chợ để chị mua mấy món Nhân thích để nấu. Về đến nhà, chị xách mấy túi đồ để nhanh trên bàn, rồi xuống lầu tìm con. Thấy chị nó vồn vện có một câu:

- Ba má đi làm về...

Chị hỏi đủ thứ nào là có mệt không, có ngủ trên máy bay không, trưa ăn gì chưa... nhưng nó chỉ âm ậm ự ự cho xong chuyện. Chị đi lên lầu mà lòng hơi buồn, chẳng bù với Lan, con gái đầu, xa nhau lâu như vậy là hai mẹ con đã ôm nhau vừa khóc vừa mừng. Nghĩ tới Lan, chị lại rom rớm nước mắt. Mới đó mà đã xa nhau sáu tháng rồi. Sáu tháng xa nó, chị sống như một cái bóng. Ba cha con Minh, Nhân, Vi cứ chẳng nói chẳng rằng, lúc nào cũng im im, cái tật di truyền từ bên nội làm chị nhiều khi thấy thật cô đơn. Chị đi nấu cơm mà hồn thì hướng về một nơi ở nửa vòng địa cầu...

Sau giờ làm Luân hay đi tập thể dục nên về trễ. Chị nghe có tiếng chân trong nhà bếp, chắc hai vợ chồng đang sửa soạn ăn cơm tối. Chị biết chút nữa Luân sẽ xuống xem thằng Nhân như thế nào để dàn xếp cho nó đi làm ngày mai. Trong hăng bây giờ bận bịu lắm, hai tuần vừa rồi chị và Minh phải làm 9 tiếng một ngày, tính nhẩm ra tới 30 giờ lương bình thường. Cũng hay, vậy tháng này để dành được thêm chút đỉnh.

Chị nằm coi TV một chập thì có tiếng chân đi xuống lầu. Luân lên tiếng:

- Ngày mai con theo ba má đi làm nghe, dưỡng đã dàn xếp xong hết rồi. Con Vi chừng nào mới qua đây?

Nghe tiếng Luân, chị lật đật ngồi dậy cùng với Minh đi ra ngoài. Tiếng thằng Nhân trả lời:

- Thưa dưỡng tới giữa tháng tám lận.

Luân suy nghĩ rồi hơi nhăn mặt:

- Dưỡng muốn nó qua trong tuần này để hai đứa con đi thi Anh văn xếp lớp trong Đại học cộng đồng.

Thằng Nhân bối rối vì biết dì nó mua vé đâu đó xong hết rồi. Chị bước ra đỡ lời:

- Anh nghĩ mình chờ tới tháng sau được không? Dì nó lâu ngày không gặp cháu nên muốn nó ở chơi lâu một chút.

Luân lắc đầu:

- Nếu chị muốn nó đi học thì phải lo từ bây giờ. Lỡ tụi nó thi được điểm thấp thì còn có thời gian ôn bài rồi thi lại, giữa tháng tám nhập học rồi.

- Vậy thì để em kêu dì nó đổi vé lại tuần này.

Luân trả lời được, rồi đi lên lầu. Chị bốc máy gọi Huyền, đưa em bên Missouri, cắt nghĩa tại sao phải cho con Vi qua Virginia gấp. Chị có cảm tưởng

như giọng của Huyền không vui lắm, nó nói tại sao chị lại nghe lời Luân, bộ chị không tin tưởng Huyền có thể lo cho con Vi được hay sao.

Chị biết Huyền đang tự ái chuyện gia đình chị bỏ qua Virginia mà không theo nó về Missouri. Chị cố gắng giải thích thêm nhưng vô ích, nó không muốn nghe nữa. Chị đi lên lầu trình bày lý do tại sao Huyền không muốn đổi về lại cho con Vi. Luân bảo đưa số của Huyền để Luân cất nghĩa cho. Chị sợ Huyền lại to tiếng với Luân vì Huyền lúc nào cũng nghi ngờ lòng tốt của Luân, nhưng chị không biết làm sao đành phải để cho Luân gọi Huyền.

Luân bấm số, một vài giây sau thì bắt đầu nói chuyện. Chị nghe Luân lặp đi lặp lại lý do tại sao Vi phải qua liền, rồi Luân bắt đầu tỏ vẻ thiếu kiên nhẫn, một chập sau thì cúp máy.

Luân lắc đầu:

- Cô này thiệt cứng đầu, cất nghĩa bao nhiêu cũng không nghe, cuối cùng tui phải nói khó là nếu muốn con Vi có cơ hội đi học thì đổi về lại, cô ấy mới chịu. Cuối tuần nó sẽ bay qua đây, đầu tuần tới hai đứa dắt nhau đi thi.

Tiếng Anh thì hai đứa con của chị cũng tạm được, ra đường nói thì người ta hiểu nhưng khi nghe thì chưa thạo lắm. Ở Việt Nam chị cố gắng dè xèn dè gợi hai đứa vô Sài Gòn học tiếng Anh cốt để chuẩn bị đi Mỹ. Con Vi thì chăm chỉ còn thằng Nhân thì tối ngày cứ cầm cây đờn mà khảy chẳng chịu học, nhưng khi làm bài thì thằng Nhân lúc nào cũng hơn điểm con Vi, thiệt là lạ.

Luân hay nói với chị là bằng mọi giá phải cho hai đứa nó đi học, biết bao nhiêu người trên thế giới muốn qua Mỹ học mà không được. Chị biết chứ, và đó là ước nguyện của chị khi theo gia đình đi Mỹ, phải chi con Lan cũng được cơ hội này...

Hai vợ chồng chị đi làm được ba tháng để dành được 8 ngàn, chị lấy 6 ngàn trả tiền mua xe cho hai vợ chồng Luân. Tiền hai đứa nhỏ đi làm thì tụi nó giữ để trả tiền xăng, xài vặt, tính ra thì chẳng có bao nhiêu vì nó vừa đi làm vừa đi học. Tiền học thì Luân xin chính phủ cho hai đứa, cũng vừa đủ. Hôm trước Luân mua xe mới nên cho thằng Nhân chiếc xe cũ, thiệt tiện lợi cho gia đình vì nó không phải đưa vợ chồng chị về rồi mới đi học được, thật bất tiện lúc mà chị và Minh phải ở lại làm thêm giờ phụ. Mỗi tháng chị gởi về cho con Lan 100 đô, cho má 100 đô, hai bà cháu sống bên nhau sau khi gia đình chị đi Mỹ. Vài ba tuần nữa vợ chồng Luân về Việt Nam, chị sẽ gởi thêm cho má và chút dính cho cậu tụi nó.

Cuối tuần chị hay gọi điện về thăm con Lan. Nó nói ngoại đang bị đau bụng chắc phải đem đi nhà thương ở Sài Gòn. Trong mấy chị em chỉ có chị là khá nhất từ trước tới giờ, bây giờ qua Mỹ chân ướt chân ráo trách nhiệm lo cho mẹ già cũng phải là chị chứ mấy đứa kia hàng tháng tiền ăn còn chưa đủ.

Chuyện gì rồi cũng phải tới, nửa đêm thứ ba Huyền gọi và nói cậu nó đã đưa ngoại vào nhà thương để chuẩn bị mổ, nhưng phải chờ tiền trước bác sĩ mới làm. Sáng hôm sau chị lật đật gọi 1000 đô về và lằm nhằm đọc kinh cầu nguyện cho má sớm hồi phục. Mỗi ngày chị đều gọi về Việt Nam thăm hỏi tình trạng của má.

Ba ngày liền sau khi mổ bà vẫn ở trong trạng thái hôn mê, tới ngày thứ tư thì bác sĩ nói vô phương cứu chữa và nên đưa về nhà để lo việc an táng. Chị nghe đến đó là nước mắt chảy ròng, tiền không có làm sao mà về tiễn má đi lần

cuối. Lúc đó thì điện thoại cầm tay reo lên, chị bốc máy, nghe: “Em Huyền đây, em nghe tin rồi, chị về Việt Nam với em, tiền vé em sẽ lo cho chị, chị xin nghỉ làm được không?”

Chị nói với nó phải hỏi bà xếp rồi mới trả lời được, dạo này máy nhiều quá không biết có nghỉ được không. Ngày hôm sau nói chuyện với xếp xong chị gọi lại cho Huyền và nói Huyền cứ tiến hành chuyện mua vé có gì nhắn lại trên điện thoại, khi được nghỉ 15 phút giữa ngày thì chị sẽ nghe. Chị cảm thấy an ủi vì được nhìn mặt má lần cuối. Sau giờ tan sở chị mở điện thoại để lấy lời nhắn của Huyền, Huyền nói tiền máy bay tới 1700 đô một vé, hai vé là hơn 3 ngàn cộng tiền chi phí thì phải trên 4 ngàn, vậy nó lo không nổi. Chị oà lên khóc, má sắp chết mà chị chẳng làm gì được... Về đến nhà gặp Thanh trong nhà bếp chị không cầm được nước mắt lại khóc tiếp:

- Em không về gặp má em được, con Huyền nó nói vé mắc quá nó lo không nổi, còn em thì vốn vẹn chỉ còn có 1 ngàn trong nhà băng.

Chị vừa nói với Thanh vừa nức nở. Thanh hỏi:

- Tiền vé bao nhiêu hả chị ?

- Một ngàn bảy lạng.

Thanh suy nghĩ rồi nói:

- Chị cứ tính đi, một ngàn bảy, chưa tới một tháng lương của hai vợ chồng mà chị được sự bình an trong tâm cho tới ngày chị chết. Nếu không về gặp được bà cụ, chắc chị sẽ bị cắn rứt hoài. Đừng nghĩ gì về vấn đề tiền bạc, chị cứ nói Huyền mua vé, có gì thì mình tính sau.

Thanh nói có lý, chùng đó tiền so với thời gian chị đi làm trong tương lai thì đâu có bao nhiêu, có gì chị sẽ trả lại cho Thanh giống như kỳ mua xe vậy. Chị lau nước mắt, đi cất đồ, và sửa soạn đi nấu ăn, tối chị sẽ gọi điện cho Huyền.

Không biết Thanh nói gì với Luân mà hôm sau đi làm, bà xếp đưa cho chị bì thư của hãng, có cái chi phiếu 1000 đô trong đó. Khoảng trưa trưa bà lại đưa cho chị một bì thư khác dày hơn, mở ra thì chị thấy tiền mặt dày cộm. Bà nói tất cả mọi người trong hãng gom lại được 1600 đô, giúp chị mua vé máy bay về Việt Nam thăm má.

Chị cảm động, nước mắt rơm rớm. Sau giờ đó chị chẳng còn đầu óc đầu nào mà rập máy. Chị chỉ biết cảm ơn mọi người chung quanh, ngược lại họ có lời an ủi chị.

(còn tiếp)

Ai sẽ bước lên tâm thảm thủy tinh?

Nguyệt Quỳnh

*“Hương rừng thơm đôi vắng
nước suối trong thâm thì
Cọ xòe ô che nắng
râm mát đường em đi”*

(Đi Học – Minh Chính)

Có những bài hát, những câu văn đã in đậm trong ký ức con người; đến nỗi, chỉ cần nghe ai đó nhắc lại vài chữ hoặc cất lên lời hát là có thể đem đến cho ta cả một trời thơ ấu.

Tôi dám cá rằng không có một người miền Nam nào mà không bồi hồi xúc động mỗi lần nghe ai đó nhắc đến câu văn sau của Thanh Tịnh: *“Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường...”* Cái cảm giác sợ sệt, bỡ ngỡ ngày đầu tiên đến trường và đôi mắt âu yếm cùng vòng tay dịu dàng chờ che của mẹ làm chúng ta nhớ đến suốt đời cái buổi ban mai ấy!

Người dân miền sông nước cũng có câu ru tuyệt vời về tình mẹ, về cây cầu ván, cầu tre, hàng ngày mẹ đưa bé đến trường. Dù cầu có lắc lẻo, có gập ghềnh, có khó đi đến đâu thì mẹ vẫn dắt tay con từng bước, từng bước một. Con đi trường học mẹ đi trường đời; trong bối cảnh xã hội VN ngày nay, cả hai ngôi trường này đều khắc nghiệt và gian truân như nhau! Tuy nhiên, chắc rằng cũng hiếm có một người mẹ nào dám để đôi chân non bụ bẫm kia bước lên cái thảm thủy tinh của Ts. Phan Quốc Việt. Bởi tâm hồn trẻ thơ tinh khiết như một tờ giấy trắng, người ta nâng niu nó và muốn viết trên trang giấy ấy những điều yêu thương, ngọt ngào tốt đẹp nhất.

Tôi chạnh nhớ đến tâm hồn của một chàng chiến binh miền quê hương xứ cộ. Chẳng biết rừng cộ của miền trung du Phú Thọ quê anh xanh và đẹp như thế nào, nhưng những câu chữ trong bài thơ “Đi Học” đã đi vào hàng triệu triệu trái tim của người dân cả nước. Điều đáng nhớ là người lính trẻ Minh Chính đã gạch bỏ hết những câu thơ mang hình ảnh chiến tranh trong bản thảo của anh. Anh vất hết chiến hào, đạn bom ra khỏi đôi mắt trẻ thơ; để chỉ còn lại tiếng thì thầm của suối, và hình ảnh lá cọ làm cái ô xanh trên suốt đoạn đường đến trường của bé. Minh Chính nằm xuống ở chiến trường miền Nam năm anh 26 tuổi, nhưng tính nhân bản, lòng yêu thương trẻ thơ của anh sẽ làm người ta còn nhớ mãi đến anh.

Bậc cha mẹ nào cũng đặt việc giáo dục và hình thành nhân cách cho con trẻ lên hàng đầu. Có lẽ vì thế người Việt chúng ta rất ngưỡng mộ nền giáo dục của Nhật Bản. Thái độ, phẩm cách cùng văn hóa ứng xử



của họ - ngay cả các trẻ em trong tình huống khắc nghiệt nhất như thiên tai - là điển hình của một nền giáo dục giàu có về nhân cách, văn hóa và tính kỷ luật. Không khác mấy với lối quan niệm của ông bà ta ngày xưa về việc giáo dục con trẻ “Tiên học lễ Hậu học

văn”, nhiều nghiên cứu cho thấy các trẻ em Nhật từ lớp 1 đến lớp 3 đều được học các quy tắc ứng xử căn bản. Người Nhật đặc biệt chú trọng đến các câu chào hỏi, xin lỗi, và cảm ơn. Sẽ không có bất kỳ một môn thi nào cho trẻ trong độ tuổi này, bởi vì mục tiêu giáo dục của người Nhật là truyền đạt các khái niệm và xây dựng nhân cách cho trẻ là ưu tiên hàng đầu.

Chuyện cuốn sách dạy kỹ năng sống cho trẻ em tiểu học của Ts Phan Quốc Việt biên soạn đã khiến nhiều bậc cha mẹ lên tiếng phản đối. Tuy nhiên, sau cuốn “Thực hành kỹ năng sống dành cho học sinh lớp



một” người ta lại khám phá ra một quyển sách khác với nội dung đáng quan ngại do Đức Trí sưu tầm, sách mang tên: “hỏi đáp nhanh trí”. Nếu sách của Ts Việt dạy các em lớp một dùng cảm bằng cách bước đi trên thảm thủy tinh vỡ, hoặc tự dùng kim tiêm đâm vào tay;

thì sách của Đức Trí còn đáng sợ hơn với những hình ảnh minh họa đi kèm. Chỉ xin đơn cử là hai câu hỏi thách thức trẻ nhanh trí như sau: “Một người sau khi bị chặt đầu sẽ thế nào?” và “anh A bị chặt đầu lúc 40 tuổi, vậy con cái anh A bị làm sao?”

Chúng ta không hề phủ nhận những nỗ lực đáng quý của Ts Việt trong việc truyền đạt những kỹ năng sống cho thanh thiếu niên thời gian vừa qua. Và rất đồng ý rằng hơn lúc nào hết đất nước ta cần thật nhiều người dân vượt qua nỗi sợ hãi của riêng mình để dũng cảm cất tiếng nói và hành động trước tình hình tệ hại của đất nước. Nhưng khi đã biết cần hướng dẫn cái gì, thì câu hỏi kế tiếp là hướng dẫn cho ai? hướng dẫn lúc nào? và hướng dẫn ra sao? ... để khỏi bị những hậu quả phụ khác mang tính tác hại hơn nhiều.

Theo tôi, việc thực tập cho trẻ đi trên mảnh thủy tinh để biểu diễn mình không sợ không phải là hành động dũng cảm mà chỉ nói lên sự liều lĩnh, không sợ đau!? Điều quan trọng là cần hướng dẫn các em dùng đến Đầu Óc để suy xét nhiều khía cạnh khác nhau của Hành Động. Dạy dỗ trẻ em bậc tiểu học, ngoài việc chú tâm về đức dục chúng ta nên để các cháu tập dần lối suy nghĩ chủ động, độc lập và sáng tạo cho lãnh vực trí dục. Đây cũng là những nỗ lực đột phá của nhóm Cánh Buồm hiện nay. Tóm lại, cùng với quyển sách của Đức Trí, lối giáo dục dạy cách “không sợ hãi” và “liều lĩnh” vừa kể có thể là một trong những nguyên nhân gây nên bạo lực học đường.

Bên cạnh đó, khi nói đến giáo dục chúng ta bắt buộc phải quan tâm đến đến ba môi trường căn bản: nhà trường, gia đình, và xã hội. Những tâm hồn trẻ thơ mà chúng ta, đặc biệt là các bậc cha mẹ, cố công vun đắp khi các em còn nhỏ dại sẽ không thể tồn tại được trong môi trường xã hội VN ngày nay.

Những tâm hồn đó cần được nuôi dưỡng ở một môi trường xã hội tốt hơn. Và chính các bậc cha mẹ quan tâm, phải là người góp phần vào sự thay đổi đó. Chiến tranh đã lùi xa hơn 40 năm, và cuộc sống không phải chỉ cần có cơm ăn và áo mặc. Tôi ước mong các bậc cha mẹ, các bậc thầy cô, có thể nghe được tâm tư của người trẻ Trần Minh Nhật, khi anh nói về 4 năm tù oan, về tấm thảm thủy tinh của anh: “... **rất cảm ơn vì được trải nghiệm 4 năm tù. Khi được nếm trải mình có được một thứ mà có thể người ngoài không có được đâu. Dần dần mình tìm lại được sự tự do của chính mình, dần dần mình tìm lại được điều đúng vì mình biết mình làm điều đúng. Bốn năm tù không thể đánh bẹp ý chí của bất kỳ những người nào có niềm tin và hy vọng cũng như có tình yêu dành cho đất nước. Đây là thời gian trải nghiệm tuyệt vời nhất và nó giúp cho mình vững mạnh hơn**”.

Chuyện tấm thảm thủy tinh của Ts Việt làm tôi nhớ đến thảm lửa than trong cuốn phim “Tình Yêu Đến” do tài tử Aaron Eckhart và cô đào tóc vàng Jennifer Aniston thủ diễn vai chính. Trong phim, Burke Ryan (Aaron Eckhart) là một tiến sĩ, tác giả, và là một diễn thuyết gia nổi tiếng. Burke chuyên hướng dẫn các cuộc hội thảo lớn dạy người ta dám

nhìn vào sự thật để đứng dậy từ nỗi đau của chính mình. Burke nhiều lần đã từng bước trên cái thảm lửa than đó. Tuy nhiên, vào đoạn cuối của phim, Burke đã bật khóc ngay trên bục nói chuyện và thú nhận chính anh cũng chạy trốn nỗi đau, chính anh cũng không dám nhìn thẳng vào sự thật. Ngỡ là sự nghiệp của Burke đã tiêu tan, nhưng sự chân thành của anh đã được đáp trả bằng một kết cục có hậu.

Tôi thiết nghĩ tâm thâm thủy tinh hay thảm lửa than nên dành riêng cho các vị lãnh đạo cộng sản. Chính họ mới cần bước đi trên đó để cảm nhận được nỗi đau đớn của sự mất mát, để đối diện với sự thật: Là một nước nhược tiểu, cha ông ta, hàng bao thế hệ đã hy sinh rất lớn để có một dân tộc có danh dự và giàu nhân cách. Chỉ bốn mươi năm ngắn ngủi, dưới sự lãnh đạo của CS, họ đã tàn phá gần như tất cả!

Hồi mười sáu Ủy viên Bộ Chính Trị đảng CSVN, hãy bước lên tấm thảm thủy tinh đầy sắc nhọn ấy. Để đối diện với sự thật, để nhận ra nỗi đau, sự tổn thương to lớn của hơn chín mươi triệu con người, và để cảm được niềm ước mơ của một thế hệ đang khao khát chuyển mình để trở nên những con người dũng mãnh.

Nguyệt Quỳnh



Lấy của ban ngày

Kim Nguyên

(chuyện tối)

Nước Tấn có kẻ hiếu lợi, một hôm ra chợ thấy cái gì cũng lấy. Anh ta nói rằng: “Cái này tôi ăn được; cái này tôi mặc được; cái này tôi tiêu được; cái này tôi dùng được.” Lấy rồi đem đi. Người ta theo đòi tiền; anh ta nói:

- “Lửa tham nó bốc lên mờ cả hai con mắt. Bao nhiêu hàng hóa trong chợ, tôi cứ tưởng của tôi cả, không còn trông thấy ai nữa. Thôi! Các người cứ cho tôi, sau này tôi giàu có, tôi sẽ đem tiền trả lại.”

Người coi chợ thấy càn dỡ, đánh cho mấy roi, bắt của ai phải trả lại người ấy. Cả chợ cười ô!

Anh ta mắng: Thế gian còn nhiều kẻ hiếu lợi hơn ta, thường dùng thiên phương bách kế ngấm ngấm lấy của người. Ta đây tuy thế, song lấy giữa ban ngày, so với những kẻ ấy, thì lại chẳng hơn ư? Các người cười ta, là các người chưa nghĩ kỹ!”

Long Môn Tử

Giải nghĩa:

Hiếu lợi: Ham tiền của quên cả phải trái

Lửa tham: lòng tham muốn bốc lên làm ngốt người

Mờ cả hai con mắt: chỉ để cả vào của muốn lấy, ngoài ra không trông thấy gì nữa.

Thế gian: cõi đời người ta ở

Thiên phương bách kế: mưu này chước khác xoay đủ trăm nghìn cấp.

Ngấm ngấm: ý nói làm hại một cách bung bít, không để ai biết.
giữa ban ngày: lúc sáng sủa dễ trông thấy.

Long Môn Tử: tức là Tư-Mã Thiên làm quan Thái sư nhà Hán, là một nhà sử ký có danh.

Lời bàn:

(của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc và Từ An Trần Lê Nhân)

Đã là kẻ thấy của tối mắt, tham vàng bỏ nghĩa, thì dù ít, dù nhiều

cũng là đáng khinh cả, song đem những kẻ mặt to, tai lớn vì ham mê phú quý mà lường thầy phản bạn, hại ngầm đồng bào so với những quân cấp đường, cấp chợ giữa ban ngày để nuôi miệng thì tội đến nặng hơn biết bao nhiêu. Thế mà trách đời chỉ biết chê cười những quân trộm cắp vặt chớ không biết trừng trị những kẻ đại gian đại ác.

(Trích trong “Cổ Học Tinh Hoa”)

Góp ý:

Câu chuyện này làm người đọc nhớ tới tình hình miền Nam VN sau ngày 30 tháng 4, 1975.

Người Cộng Sản, sau khi chiếm miền Nam xong, hành động của họ cũng tương tự như vậy.

Họ có tâm lý phức tạp khi làm công việc cướp đoạt tài sản của người

Miền Nam, mà dưới mắt họ là kẻ thua trận, là kẻ phản động, bán nước...

Họ thù người miền Nam vì người miền Nam giàu có trong khi họ thì nghèo

khô, thiếu thốn. Người miền Nam thì “hường thụ” mà họ thì “hy sinh”.

Vừa có tâm lý kẻ chiến thắng, vừa có tâm lý quân viễn chinh, nên họ có

cướp đoạt tài sản của người miền Nam thì cũng không có gì lạ.

Đó là tâm lý cá nhân.

Về chính sách của Cộng Sản, thì ngoài lý tưởng Cộng Sản, “ai cũng như nhau” - không phải sung sướng như nhau - mà “cào bằng”, có nghĩa là ai cũng nghèo như nhau.

Không cho dân giàu - nhất là người dân miền Nam, - là chính sách cai trị. Giàu thì có phương tiện chống lại chính quyền.

Nghèo thì phải lo ăn, lo gạo, lo rau, lo củi hằng ngày... làm sao có thì giờ, có phương tiện chống lại “nhà nước Cộng Sản”.

Do đó, việc đánh tư sản vào tháng 4/ 1977, việc đòi tiền...

chỉ là chính sách làm cho người dân nghèo đi để dễ cai trị.

Sau khi làm cho người dân nghèo, Cộng Sản không để cho người dân đói,

bởi vì Cộng Sản biết “Cùng tắc biến, biến tắc thông”. Vì đói, người

dân sẽ vùng lên. Muốn cho dân khỏi vùng lên thì phải cho dân có ăn, có

mặc. Có ăn không có nghĩa là ăn no, có mặc không có nghĩa là mặc ấm.

Ăn no, mặc ấm như thanh niên, sinh viên, học sinh miền Nam trước 1975

“thừa cơm rừng mỡ”, ưa đi biểu tình, đã đảo, bạo động chớ có làm gì

hữu ích!

Tuy nhiên, “cách mạng là chính nghĩa” cho nên, trong việc cướp đoạt tài sản của người miền Nam, Cộng Sản phải núp dưới những cái

áo đạo đức nhân nghĩa, mà Long môn Tử, trong bài trên gọi là “thiên phương bạch kế ngấm ngấm”....

Một chính quyền của dân, vì dân là phải phục vụ dân, chớ không thể làm hại (dân) một cách bung bít, không để ai biết. Chính quyền đó, nói cho đúng là bọn cướp trá hình.

Mặt khác, Cộng Sản sợ người miền Nam chống lại họ, nên áp dụng một trong “Tam Vô” một cách triệt để. Những người đi tù cải tạo, ở tù nhiều năm, hàng chục năm, dù Cộng Sản có tuyên truyền, giáo dục như thế nào, trong lòng họ, không thù hận thì cũng oán hận. Và lại, dưới quan điểm của Cộng Sản, những người bị “tù cải tạo” gần như hầu hết đều thuộc thành phần tiểu tư sản, là thành phần đối kháng với với giai cấp vô sản (là Cộng Sản), cần phải triệt tiêu họ, bởi vì theo chủ nghĩa Mác-LêNin, “sức mạnh của kẻ thù sẽ tăng lên gấp ba khi chúng phục thù”, cho nên không bao giờ để cho kẻ thù có thể phục thù.

Trong ý nghĩa đó, những người đi tù cải tạo, sau khi được tha, nếu họ phục thù thì sức mạnh của họ mạnh hơn nhiều lắm. Không để cho họ phục thù, phải triệt tiêu ngay phương tiện họ có thể có, đó là gia đình. Phải đánh phá gia đình của họ, tước đoạt tài sản, thay đổi hoàn cảnh sinh hoạt, tức là đuổi đi kinh tế mới, buộc vợ họ có chồng mới hay cướp luôn vợ của họ... Trong hoàn cảnh mất vợ, mất cửa, mất nhà...

người tù cải tạo trở về, lo thân mình chưa xong, làm sao có hoàn cảnh, điều kiện để có hành động chống phá chính quyền.

Dù sao, nghĩ lại, người “hiếu lợi” trong truyện còn hơn người cán bộ Cộng án nhiều lắm.

Trước hết, anh ta còn nghĩ tới việc trả lại cho “khổ chủ”. Anh ta nói: ... sau này tôi giàu có, tôi sẽ đem tiền trả lại.”

Người cán bộ Cộng Sản không ai nghĩ tới việc “trả lại” như người trong truyện. Khi tước đoạt của cải của người miền Nam, họ không

nhân danh cá nhân họ mà nhân danh “nhân dân”. Tài sản đó, người miền Nam bóc lột nhân dân mà có, nay họ có lấy đi, cũng chỉ là lấy tài sản của nhân dân, không phải của người miền Nam. Nếu như họ có trả, thì chỉ trả cho nhân dân, mà nhân dân là ai; chính là “đảng CS”. Đảng chính là họ, nhân dân cũng là họ.

Theo cách lý luận như thế, cán bộ CS không một chút ách náy như người trong truyện vậy.

Nhìn rộng ra, trong cách cư xử với nhau, trong gia đình, bà con, xóm làng, ngoài xã hội thì cũng như thế mà thôi.

Của cải của ai người ấy dùng. Người khác muốn dùng thì phải mượn, dùng xong, đem trả. Thế là sòng phẳng.

Của người ta, lén lấy đem về dùng. Dùng xong, đem giấu.

Thành ra cái dụng cụ được dùng chung, mọi người đều vui, như câu chuyện “Vua Sở mất cung” vậy.

Còn như lấy đem về dùng riêng, người khác sắm ra mà không được dùng,

người ta sẽ phàn nàn, trách cứ, thì chính người lấy của người khác không thấy lẽ phải ở đâu.

Sợ bị mất của nữa, dù không nói ra, người ta cũng tìm cách xa lánh

người lấy tài sản người khác. Sự phân liệt đó, là từ người lấy của chứ không phải từ người bị mất của.

Vui cười với người ta, rồi lấy của người ta, vậy khi gặp người ta lại, không thấy mắc cỡ hay sao? Liêm sĩ ở đâu?

Chỉ có người Cộng Sản mới không biết liêm sĩ mà thôi!

Báo Làng Văn Online được lưu trữ trên:

www.langvanonline.com

cùng với các số báo in, bắt đầu từ năm 1984

Xin gửi bài về:

BanBienTap.LVOnline@gmail.com

***Sách Việt tại hải ngoại ngày càng hiếm,
hầu hết các nhà sách Việt đều đã đóng cửa.
Độc giả muốn mua sách, xin mời xem tại:***

NHÀ SÁCH LÀNG VĂN ONLINE

Giá đặc biệt cho

dành riêng cho độc giả Làng Văn Online:

www.langvan.net

